

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2021/DS - PT

Ngày: 03/12/2021

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS – ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2021/QĐ – PT ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Phạm Lam P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà P:* Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 167D3, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ninh Tô R, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại theo ủy quyền của ông Ninh Tô R:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Phạm Lam P; Bị đơn Ninh Tô R.
- *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Phạm Lam P trình bày:

Vào ngày 13/02/2020, bà Nguyễn Phạm Lam P có cho ông Ninh Tô R vay số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận sau 01 tháng bên ông R phải có nghĩa vụ hoàn trả nợ cho bên bà P. Tuy nhiên, đến ngày 14/3/2020, bên ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khi cho vay, hai bên không có thỏa thuận tiền lãi trong giấy mượn tiền mà thỏa thuận lãi bằng miệng với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Đến ngày 16/4/2020, ông R chuyển khoản đóng lãi cho bà P với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Sau đó, bên ông R không tiếp tục trả lãi và cũng không trả tiền vốn và hai bên phát sinh tranh chấp. Khi vay, ông R có ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền. Đồng thời, bên bị đơn cũng thừa nhận có vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Trong quá trình tố tụng, ông Ninh Tô R và ông Nguyễn Văn T đều thừa nhận có vay số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và cho rằng đã trả cho bà P rồi. Tuy nhiên, bên bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ rồi. Đối với số tiền bên ông R chuyển khoản cho bên nguyên đơn 50.000.000 đồng vào ngày 16/4/2020 là số tiền đóng lãi trong khoảng thời gian từ ngày vay tiền 13/02/2020 đến ngày 15/5/2020. Riêng số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) chuyển khoản vào ngày 20/02/2020 là trả lãi cho hợp đồng vay khác cho nên không đồng ý khấu trừ vào tiền lãi của hợp đồng vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Đối với giấy tính tiền “Long đưa 900 triệu” và giấy tính tiền “đất Simmy 118,3 triệu” mặc dù là chữ viết của bà Nguyễn Phạm Lam P. Tuy nhiên, hai giấy này chỉ là giấy bà P viết ra để tính tiền. Đồng thời, bà P không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông Ninh Tô R. Ngoài ra, nội dung hai giấy này không thể hiện việc bà P có nhận tiền từ ông R.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn Ninh Tô R phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P số tiền vay còn thiếu là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 1%/tháng tính từ ngày 16/5/2020 đến 22/4/2021 (11 tháng 06 ngày), tương đương với số tiền lãi là 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Tổng cộng số tiền vốn và tiền lãi mà bên nguyên đơn yêu cầu là 1.668.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Ninh Tô R về việc yêu cầu bà Nguyễn Phạm Lam P phải hoàn trả cho ông Ninh Tô R số tiền 1.826.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu đồng), trong đó bao gồm tiền vốn là 1.653.000.000 đồng, tiền lãi là

173.000.000 đồng, bên bị đơn cung cấp danh sách sao kê chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của ông R sang bà P và ông N nhưng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà P có vay tiền của ông R. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông R trình bày: Ông R cho bà P vay tiền và 06 tháng quyết toán lãi một lần vào ngày 09/4/2020. Tuy nhiên, không có việc quyết toán này mà vào ngày 01/4/2020; 15/4/2020 và ngày 16/4/2020, bên ông R lại tiếp tục chuyển tiền cho bên bà P, do đó lời trình bày của bên bị đơn là không có căn cứ, không đồng ý toàn bộ phản tố của bị đơn.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Ninh Tô R trình bày:

Ông Ninh Tô R thừa nhận vào ngày 13/02/2020 có vay của bà Nguyễn Phạm Lam P với số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Ông R có ký tên và viết họ tên vào giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận sẽ trả nợ trong thời hạn 01 tháng. Mặc dù trong giấy mượn tiền không có thỏa thuận lãi nhưng giữa bà P và ông R có thỏa thuận lãi bằng miệng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông R đã chuyển khoản trả lãi cho bà P với tổng cộng số tiền 59.000.000 đồng (vào ngày 20/02/2020, ông R chuyển khoản trả lãi 9.000.000 đồng; ngày 16/4/2020, ông R chuyển khoản trả lãi 50.000.000 đồng cho bên bà P).

Số tiền bên ông R đã chuyển trả cho bà P và ông N và cho vay là 6.635.500.000 đồng. Trong đó, hai lần giao tiền mặt cho bà P là 1.018.300.000 đồng, số còn lại là chuyển khoản ngân hàng. Riêng từ ngày 20/02/2020 đến ngày 16/4/2020, bên ông R đã chuyển cho bà P 16 lần (14 lần chuyển khoản và 02 lần tiền mặt), với số tiền là 3.153.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm năm mươi ba triệu đồng). Sau khi khấu trừ vào 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) mà ông R vay của bà P thì ông R cho bà P vay lại với số tiền là 1.653.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu đồng). Nếu hai bên không có thỏa thuận gì thì tại sao bên ông R lại chuyển 6.653.500.000 đồng cho bên bà P để trả nợ và cho bà P vay. Thực tế việc chuyển tiền của ông R là có thật, chứng cứ là sao kê của Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án và bên nguyên đơn, số tiền chuyển khoản đã vào tài khoản của bà P và ông N. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận là số tài khoản nhận tiền là của bà P và ông N. Thực tế, bà P và ông N đã rút số tiền của ông R chuyển khoản ra sử dụng.

Đối với giấy nhận tiền mặt có thể hiện hàng chữ “Long đưa 900 triệu” bên nguyên đơn thừa nhận là chữ viết của bà P, khi đó bên bà P đã nhận 900 triệu mới viết ra giấy này và giao cho bên ông R lưu giữ, quản lý. Do đó, nguyên đơn cho rằng chỉ tính tiền thôi chứ không có nhận tiền là không đúng.

Đối với giấy nhận tiền mặt ghi hàng chữ “đất Simmy 118,3 triệu” mà bên bị đơn cung cấp, đây là sự giao dịch đất đai giữa bà P với ông R, bên bà P phải có nghĩa vụ

thanh toán cho ông R 118,3 triệu. Tuy nhiên, bà P không giao tiền mà ghi giấy này để khấu trừ 118,3 triệu vào số tiền ông R vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Như vậy, toàn bộ số tiền bên ông R đã chuyển cho bà P bao gồm tiền mặt và tiền chuyển khoản qua tài khoản của bà P, ông N với số tiền là 6.653.500.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng số tiền này thanh toán cho hợp đồng vay khác là không đúng. Hai bên chưa ngồi lại để quyết toán với nhau. Số tiền bên ông R chuyển đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) đối với hợp đồng vay ngày 13/02/2020 và ông R còn cho bà P vay lại với số tiền 1.653.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu đồng).

Bị đơn yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phạm Lam P. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Ninh Tô R. Cụ thể buộc bà Nguyễn Phạm Lam P phải hoàn trả cho ông Ninh Tô R số tiền vay còn thiếu là 1.826.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu đồng). Trong đó vốn 1.653.000.000 đồng, tiền lãi là 173.000.000 đồng (Tính tiền lãi từ ngày 16/4/2020 đến ngày Tòa án ban hành bản án sơ thẩm). Riêng số tiền của ông R chuyển còn dư, bên bà P và ông R sẽ ngồi lại quyết toán, nếu không được, bên ông R sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử ban hành Quyết định hủy bỏ 02 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với 02 thửa đất do ông Ninh Tô R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS – ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phạm Lam P đối với ông Ninh Tô R về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Ninh Tô R phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Phạm Lam P số tiền vay còn thiếu là 663.976.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Trong đó, vốn là 600.000.000 đồng; tiền lãi là 63.976.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Ninh Tô R đối với bà Nguyễn Phạm Lam P về việc yêu cầu bà P phải hoàn trả số tiền vay là 1.826.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về việc áp dụng biện pháp bảo đảm và biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2020/QĐ-BPBD ngày 09 tháng 10 năm 2020; Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 28 tháng 01 năm 2021 và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 11/10/2020 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/4/2021 bà Nguyễn Phạm Lam P kháng cáo, đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với khoản vay 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và lãi suất.

Ngày 04/5/2021, ông Ninh Tô R kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu bác khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận phản tố của bị đơn và yêu cầu hủy bỏ 02 biện pháp khẩn cấp tạm thời 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 11/10/2020 và 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị, quyết định kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS – ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nêu trên để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 13/02/2020, bị đơn Ninh Tô R thừa có ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền của bà Nguyễn Phạm Lam P, số tiền 1.500.000.000 đồng. Đồng thời, thỏa thuận trả nợ trong thời hạn 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,66%/tháng. Đây là

tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Mặc dù nội dung giấy mượn tiền, hai bên không thỏa thuận tiền lãi. Tuy nhiên, hai bên đều thừa nhận có chuyển khoản trả lãi cho số tiền vay. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Thời hạn trả tiền vay hai bên thỏa thuận là ngày 13/3/2020 nhưng đến ngày trả nợ, hai bên không kết thúc hợp đồng mà bên bị đơn Ninh Tô R tiếp tục chuyển khoản trả lãi 50.000.000 đồng vào ngày 16/4/2020, bên nguyên đơn không có ý kiến gì. Điều này chứng tỏ hai bên tự nguyện thỏa thuận kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng. Do đó, bên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng (không vượt quá 20%/năm) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn Ninh Tô R thừa nhận có chuyển khoản trả lãi số tiền 59.000.000 đồng. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận lãi 50.000.000 đồng vào ngày 16/4/2020, còn 9.000.000 đồng là trả lãi cho khoản vay khác nhưng không chứng minh được cụ thể khoản vay nào. Do đó, bên bị đơn yêu cầu khấu trừ 59.000.000 đồng vào tiền lãi của số tiền vốn gốc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), đồng thời nếu còn dư lãi, bên bị đơn yêu cầu khấu trừ tiếp số tiền lãi từ ngày 16/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2] Bà P kháng cáo cho rằng giấy tính tiền có ghi nội dung “Long đưa 900 triệu” là chữ viết của bà P, đồng thời cho rằng chứng cứ này chỉ tính tiền giữa bà P và ông R, chứ bên bà P không có nhận 900 triệu từ ông R nên không đồng ý trừ số tiền này vào tiền nợ của ông R. Thấy rằng, cả hai bên đương sự đều thừa nhận “Long” là tên thường gọi của ông Ninh Tô R và đây là chứng cứ do bên bị đơn cung cấp. Do đó, lời trình bày của bên nguyên đơn là không có căn cứ, bởi lẽ chỉ khi bà P nhận được 900 triệu đồng từ ông Ninh Tô R mới viết giấy này và giao cho ông R quản lý, cất giữ xem như đã nhận 900 triệu. Tuy nhiên, chứng cứ này không ghi rõ năm nào, tại hàng thứ 7 từ trên đếm xuống có ghi “940 triệu (2/4)...”. Kết hợp toàn bộ nội dung của chứng cứ này và đối chiếu với chứng cứ giấy ghi “Đất Simmy 118,3 triệu” cũng như các lần chuyển tiền của hai bên đương sự qua lại tại ngân hàng thì có cơ sở để xác định giấy tính tiền này được viết vào ngày 02/4/2020. Như vậy, sau thời gian bà P cho ông R vay 1,5 tỷ thì ông R đã trả cho bà P số tiền 900.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm khấu trừ vào tiền vay là có căn cứ, kháng cáo của bà P là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của ông Ninh Tô R về việc yêu cầu chấp nhận phản tố của bị đơn, thấy rằng:

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bên ông R có chuyển tiền cho bên bà Nguyễn Phạm Lam P và ông N (Chồng bà P) nhiều lần. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng các lần chuyển tiền này để thanh toán cho khoản vay khác mà ông R thiếu bà P. Trong quá trình tố tụng, bên bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có sự thỏa thuận bà P vay tiền của ông R số tiền 1.653.000.000 đồng. Tại

giấy tính tiền có ghi nội dung “đất Simmy 118,3 triệu” không ghi rõ nội dung gì, không chứng minh được bà P khấu trừ 118,3 triệu vào khoản tiền vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Do đó, không có căn cứ xem xét khấu trừ 118,3 triệu đồng vào 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) mà ông R đã vay của bà P. Việc ông R chuyển khoản nhiều lần cho vợ chồng bà P là giao dịch riêng của các bên, chứng từ chuyển khoản cũng không ghi rõ nội dung chuyển khoản trả tiền vay khoản vay nào hay giao dịch nào. Ông R cũng cho rằng các bên chưa quyết toán rõ ràng nên không cần thiết phải đưa ông N vào tham gia tố tụng. Ông R phản tố cũng cho rằng số tiền của ông R chuyển còn dư, bên bà P và ông R sẽ ngồi lại quyết toán sau, nếu không được, bên ông R sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Từ những phân tích trên, xét thấy phản tố của ông R và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của ông Ninh Tô R về việc yêu cầu hủy bỏ các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thấy rằng yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà P và ông Rút phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Phạm Lam P và ông Ninh Tô R.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS – ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phạm Lam P đối với ông Ninh Tô R về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Ninh Tô R phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Phạm Lam P số tiền vay còn thiếu là 663.976.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi ba triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 63.976.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Ninh Tô R đối với bà Nguyễn Phạm Lam P về việc yêu cầu bà P phải hoàn trả số tiền vay là 1.826.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về việc áp dụng biện pháp bảo đảm và biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2020/QĐ-BPBD ngày 09 tháng 10 năm 2020; Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 28 tháng 01 năm 2021 và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2020/QĐ-BPKCTT ngày 11/10/2020 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Phạm Lam P phải chịu với số tiền 42.120.720 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn bảy trăm hai mươi đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 30.300.000 đồng (Ba Mươi triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002020 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà P còn phải nộp tiếp số tiền là 11.821.000 đồng (Mười một triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng).

- Ông Ninh Tô R phải chịu số tiền là 99.978.800 đồng (Chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông R đã nộp là 33.390.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002310 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Ông R còn phải nộp tiếp số tiền là 66.589.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Phạm Lam P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai thu số 0000241 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Ninh Tô R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006387 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương